

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện Tây Hòa và vị trí việc làm cán bộ, công chức cấp xã của huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức;

Căn cứ Thông tư số 11/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành Nội vụ;

Căn cứ Thông tư số 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về vị trí việc làm công chức lãnh đạo, quản lý; nghiệp vụ chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong cơ quan, tổ chức hành chính và vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 13/2022/TT-BNV ngày 31/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn việc xác định cơ cấu ngạch công chức;

Căn cứ Thông tư của các Bộ, ngành Trung ương hướng dẫn vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành;

Căn cứ Công văn 7583/BNV-TCBC ngày 23/12/2023 của Bộ Nội vụ về hướng dẫn một số nội dung vướng mắc trong việc xây dựng Đề án và phê duyệt vị trí việc làm;

Căn cứ Công văn số 64/BNV-CCVC ngày 05/01/2024 của Bộ Nội vụ về xác định cơ cấu ngạch công chức và cơ cấu hạng chức danh nghề nghiệp viên chức;

Căn cứ Nghị quyết số 169 /NQ-UBND ngày 10 /5/2024 của UBND tỉnh về nội dung trình xin ý kiến thành viên UBND tỉnh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 173/TTr-SNV ngày 15/4/2024 và đề nghị của UBND huyện Tây Hòa tại Tờ trình số 58/TTr-UBND ngày 11/4/2024 (gửi kèm theo Đề án số 02/ĐA-UBND ngày 11/4/2024 của UBND huyện Tây Hòa).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện Tây Hòa, như sau:

I. Tổng số vị trí việc làm đề nghị phê duyệt: 142 vị trí, trong đó:

1. Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý: 12 vị trí.
2. Vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên ngành: 119 vị trí.
3. Vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên môn dùng chung: 08 vị trí.
4. Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ: 03 vị trí.

(Chi tiết tại Phụ lục 1 kèm theo)

II. Về cơ cấu ngạch công chức:

1. Công chức giữ ngạch chuyên viên và tương đương: 40/51 công chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý, đạt tỷ lệ 78,43%.

2. Công chức giữ ngạch Cán sự và tương đương trở xuống: 11/51 công chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý, đạt tỷ lệ 21,57%.

(Chi tiết tại Phụ lục 2 kèm theo)

Điều 2. Phê duyệt 17 vị trí việc làm cán bộ, công chức cấp xã của huyện Tây Hòa, như sau:

1. Vị trí việc làm cán bộ cấp xã: 11 vị trí.
2. Vị trí việc làm công chức cấp xã: 06 vị trí.

(Chi tiết tại Phụ lục 3 kèm theo)

Điều 3. UBND tỉnh giao UBND huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên:

1. Căn cứ vị trí việc làm để xác định biên chế công chức của các phòng trực thuộc, bảo đảm không vượt số biên chế được UBND tỉnh giao; rà soát, điều chỉnh biên chế của từng vị trí việc làm theo lộ trình tinh giản biên chế được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, báo cáo kết quả thực hiện về UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ).

2. Căn cứ danh mục vị trí việc làm đã được UBND tỉnh phê duyệt, thực hiện rà soát, bố trí và có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đối với công chức chưa đáp ứng tiêu chuẩn ngạch công chức, trình độ chuyên môn hoặc giải quyết các trường hợp không phù hợp với vị trí việc làm theo quy định.

3. Đề xuất UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ) điều chỉnh, bổ sung danh mục vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức của vị trí việc làm khi cần thiết.

Điều 4. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1052/QĐ-UBND ngày 26/5/2017 của UBND tỉnh Phú Yên về việc phê Đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức thuộc UBND huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Chủ tịch UBND huyện Tây Hòa và Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đào Mỹ

PHỤ LỤC 1

Danh mục vị trí việc làm các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện Tây Hòa
(Kèm theo Quyết định số : 648 /QĐ-UBND ngày 10 /5/2024 của UBND tỉnh Phú Yên)

TT	Tên vị trí việc làm	Số lượng VTVL	Ghi chú
I	Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý	12	
1	Chủ tịch Hội đồng nhân dân huyện	1	
2	Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện	1	
3	Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân huyện	1	
4	Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện	1	
5	Trưởng ban của Hội đồng nhân dân huyện	1	
6	Trưởng phòng	1	
7	Chánh Văn phòng	1	
8	Chánh Thanh tra	1	
9	Phó Trưởng ban của HĐND huyện	1	
10	Phó Trưởng phòng	1	
11	Phó Chánh Văn phòng	1	
12	Phó Chánh Thanh tra	1	
II	Vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên ngành	119	
1	Chuyên viên tham mưu tổng hợp về chuyên ngành	1	
2	Chuyên viên về thư ký - biên tập	1	
3	Chuyên viên về kiểm soát thủ tục hành chính	1	
4	Chuyên viên về quản lý thông tin lãnh đạo	1	
5	Chuyên viên về Kiểm soát bệnh tật	1	
6	Chuyên viên về thiết bị y tế, công trình y tế	1	
7	Chuyên viên về Dược	1	
8	Chuyên viên về An toàn thực phẩm	1	
9	Chuyên viên về Dân số	1	
10	Chuyên viên về quản lý khám, chữa bệnh	1	
11	Chuyên viên về Bảo hiểm y tế	1	
12	Chuyên viên về Chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em	1	
13	Chuyên viên về công tác dân tộc	1	
14	Chuyên viên về tổ chức bộ máy	1	
15	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực	1	
16	Chuyên viên về địa giới hành chính	1	

TT	Tên vị trí việc làm	Số lượng VTVL	Ghi chú
17	Chuyên viên về cải cách hành chính	1	
18	Chuyên viên về thi đua, khen thưởng	1	
19	Chuyên viên về quản lý tín ngưỡng, tôn giáo	1	
20	Chuyên viên về quản lý văn thư, lưu trữ	1	
21	Chuyên viên về xây dựng pháp luật	1	
22	Chuyên viên về phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở và tiếp cận pháp luật	1	
23	Chuyên viên về quản lý xử lý vi phạm hành chính và theo dõi thi hành pháp luật	1	
24	Chuyên viên về kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật	1	
25	Chuyên viên về hành chính tư pháp	1	
26	Chuyên viên về quản lý tài chính, ngân sách	1	
27	Chuyên viên về quản lý tài sản công	1	
28	Chuyên viên về quản lý giá	1	
29	Chuyên viên về quản lý kinh tế tổng hợp	1	
30	Chuyên viên về quản lý đầu tư	1	
31	Chuyên viên về quản lý kinh tế đối ngoại	1	
32	Chuyên viên về quản lý quy hoạch	1	
33	Chuyên viên về quản lý đấu thầu	1	
34	Chuyên viên về quản lý doanh nghiệp	1	
35	Chuyên viên về quản lý kinh tế tập thể, kinh tế hợp tác	1	
36	Chuyên viên về khoáng sản	1	
37	Chuyên viên về đo đạc và bản đồ	1	
38	Chuyên viên về quản lý đất đai	1	
39	Chuyên viên về bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học	1	
40	Chuyên viên về môi trường	1	
41	Chuyên viên về biến đổi khí hậu	1	
42	Chuyên viên về tài nguyên nước	1	
43	Chuyên viên về lao động tiền lương	1	
44	Chuyên viên về bảo hiểm xã hội	1	
45	Chuyên viên về bình đẳng giới	1	
46	Chuyên viên về an toàn, vệ sinh lao động	1	
47	Chuyên viên về người có công	1	
48	Chuyên viên về phòng, chống tệ nạn xã hội	1	
49	Chuyên viên về việc làm	1	
50	Chuyên viên về bảo trợ xã hội	1	
51	Chuyên viên về giảm nghèo	1	

TT	Tên vị trí việc làm	Số lượng VTVL	Ghi chú
52	Chuyên viên về trẻ em	1	
53	Chuyên viên về cơ sở vật chất và thiết bị	1	
54	Chuyên viên về đào tạo (gồm đào tạo chính quy và đào tạo thường xuyên)	1	
55	Chuyên viên về công tác học sinh, sinh viên	1	
56	Chuyên viên về quản lý kỹ năng nghề	1	
57	Chuyên viên về nhà giáo giáo dục nghề nghiệp	1	
58	Chuyên viên về kiểm định và bảo đảm chất lượng giáo dục nghề nghiệp	1	
59	Chuyên viên về quản lý di sản văn hóa	1	
60	Chuyên viên về quản lý văn hóa cơ sở (bao gồm quản lý thư viện và quản lý văn hóa dân tộc)	1	
61	Chuyên viên về quản lý lĩnh vực gia đình	1	
62	Chuyên viên về quản lý thể dục thể thao cho mọi người	1	
63	Chuyên viên về quản lý thể thao thành tích cao và thể thao chuyên nghiệp	1	
64	Chuyên viên về quản lý xúc tiến, quảng bá du lịch	1	
65	Chuyên viên về quản lý báo chí	1	
66	Chuyên viên về quản lý phát thanh, truyền hình	1	
67	Chuyên viên về quản lý thông tin điện tử	1	
68	Chuyên viên về quản lý thông tin đối ngoại	1	
69	Chuyên viên về quản lý thông tin cơ sở	1	
70	Chuyên viên về quản lý xuất bản	1	
71	Chuyên viên về quản lý in	1	
72	Chuyên viên về quản lý phát hành	1	
73	Chuyên viên về quản lý bưu chính	1	
74	Chuyên viên về quản lý viễn thông	1	
75	Chuyên viên về quản lý tần số vô tuyến điện	1	
76	Chuyên viên về quản lý công nghệ thông tin (bao gồm: công nghiệp công nghệ thông tin, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số)	1	
77	Chuyên viên về quản lý giao dịch điện tử	1	
78	Chuyên viên về quản lý an toàn thông tin mạng	1	
79	Chuyên viên về quản lý chương trình giáo dục	1	
80	Chuyên viên về quản lý tổ chức và hoạt động cơ sở giáo dục	1	
81	Chuyên viên về quản lý bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục	1	

TT	Tên vị trí việc làm	Số lượng VTVL	Ghi chú
82	Chuyên viên về quản lý cơ sở vật chất, trang thiết bị giáo dục	1	
83	Chuyên viên về quản lý chính sách và phát triển đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục (bao gồm đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, nhân viên ngành Giáo dục)	1	
84	Chuyên viên về quản lý người học (bao gồm cả tuyển sinh đào tạo, chính sách và các hoạt động hỗ trợ đối với người học)	1	
85	Chuyên viên về quản lý thi và văn bằng, chứng chỉ	1	
86	Chuyên viên về quản lý trồng trọt, bảo vệ thực vật	1	
87	Chuyên viên về quản lý chăn nuôi, thú y	1	
88	Chuyên viên về quản lý thủy sản	1	
89	Chuyên viên về quản lý lâm nghiệp	1	
90	Chuyên viên về quản lý thủy lợi, đê điều, phòng chống thiên tai và nước sạch nông thôn	1	
91	Chuyên viên về quản lý chất lượng, chế biến và phát triển thị trường	1	
92	Chuyên viên về phát triển nông thôn	1	
93	Chuyên viên quản lý quy hoạch xây dựng	1	
94	Chuyên viên quản lý kiến trúc	1	
95	Chuyên viên quản lý hoạt động đầu tư xây dựng	1	
96	Chuyên viên quản lý phát triển đô thị	1	
97	Chuyên viên quản lý hạ tầng kỹ thuật	1	
98	Chuyên viên quản lý nhà ở	1	
99	Chuyên viên quản lý công sở	1	
100	Chuyên viên quản lý vật liệu xây dựng	1	
101	Chuyên viên về kết cấu hạ tầng giao thông (đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa, hàng hải, hàng không)	1	
102	Chuyên viên về an ninh, an toàn giao thông (đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa, hàng hải, hàng không)	1	
103	Chuyên viên về quản lý vận tải (đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa, hàng hải, hàng không)	1	
104	Chuyên viên về quản lý phương tiện và người lái	1	
105	Chuyên viên về quản lý thương mại trong nước	1	
106	Chuyên viên về quản lý công nghiệp	1	
107	Chuyên viên về quản lý khoa học và công nghệ và đổi mới sáng tạo (bao gồm cả hoạt động và nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo)	1	
108	Chuyên viên về phát triển khởi nghiệp đổi mới sáng tạo (bao gồm cả phát triển thị trường và doanh nghiệp khoa học và công nghệ)	1	
109	Chuyên viên về quản lý hoạt động tiêu chuẩn hoá	1	

TT	Tên vị trí việc làm	Số lượng VTVL	Ghi chú
110	Chuyên viên về quản lý hoạt động đo lường	1	
111	Chuyên viên về quản lý đánh giá hợp chuẩn và hợp quy	1	
112	Thanh tra viên về công tác thanh tra	1	
113	Chuyên viên về công tác thanh tra	1	
114	Thanh tra viên về tiếp công dân và xử lý đơn	1	
115	Chuyên viên về tiếp công dân và xử lý đơn	1	
116	Thanh tra viên về giải quyết khiếu nại, tố cáo	1	
117	Chuyên viên về giải quyết khiếu nại, tố cáo	1	
118	Thanh tra viên về phòng chống tham nhũng, tiêu cực	1	
119	Chuyên viên về phòng chống tham nhũng, tiêu cực	1	
III	Vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên môn dùng chung	8	
1	Chuyên viên về tiếp công dân và xử lý đơn	1	
2	Chuyên viên về quản trị công sở	1	
3	Chuyên viên về hành chính – văn phòng	1	
4	Văn thư viên	1	
5	Văn thư viên trung cấp	1	
6	Chuyên viên về lưu trữ	1	
7	Kế toán viên	1	
8	Nhân viên thủ quỹ	1	
IV	Nhóm công việc hỗ trợ, phục vụ	3	
1	Công việc Lái xe	1	
2	Công việc Phục vụ	1	
3	Công việc bảo vệ	1	
	Tổng cộng	142	

PHỤ LỤC 2

Cơ cấu ngạch công chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện Tây Hòa
(Kèm theo Quyết định số : 648 /QĐ-UBND ngày 10/5/2024 của UBND tỉnh Phú Yên)

TT	Tên cơ quan	Số lượng biên chế được giao năm 2024	Số lượng công chức (không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý)	Ngạch, tỷ lệ cơ cấu ngạch công chức (%)				Ghi chú
				Chuyên viên và tương đương	Tỷ lệ cơ cấu ngạch (%)	Cán sự, nhân viên và tương đương	Tỷ lệ cơ cấu ngạch (%)	
1	Văn phòng HĐND và UBND huyện	18	9	5	9,8	4	7,84	
2	Phòng Nội vụ	9	6	5	9,8	1	1,96	
3	Phòng Tư pháp	4	2	2	3,92	0		
4	Phòng Tài chính – Kế hoạch	10	7	6	11,77	1	1,96	
5	Phòng Tài nguyên và Môi trường	7	4	3	5,88	1	1,96	
6	Phòng Lao động – TB và Xã hội	7	4	3	5,88	1	1,96	
7	Phòng Văn hóa và Thông tin	4	2	2	3,92	0		
8	Phòng Giáo dục và Đào tạo	7	4	3	5,88	1	1,96	
9	Phòng Nông nghiệp và PTNT	7	4	3	5,88	1	1,96	
10	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	9	6	5	9,80	1	1,96	
11	Thanh tra huyện	5	3	3	5,88	0		
Tổng số		87	51	40	78,43	11	21,57	

PHỤ LỤC 3

Vị trí việc làm cán bộ, công chức cấp xã của UBND huyện Tây Hòa

(Kèm theo Quyết định số: 648/QĐ-UBND ngày 10/5/2024 của UBND tỉnh Phú Yên)

TT	Tên vị trí việc làm	Số lượng VTVL	Ghi chú
I	Cán bộ cấp xã	11	
1	Bí thư Đảng ủy	1	
2	Phó Bí thư Đảng ủy	1	
3	Chủ tịch HĐND	1	
4	Phó Chủ tịch HĐND	1	
5	Chủ tịch UBND	1	
6	Phó Chủ tịch UBND	1	
7	Chủ tịch UBMTTQVN	1	
8	Bí thư Đoàn TNCSHCM	1	
9	Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ	1	
10	Chủ tịch Hội Nông dân	1	
11	Chủ tịch Hội Cựu chiến binh	1	
II	Công chức cấp xã	6	
1	Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự	1	
2	Công chức Văn phòng - Thống kê cấp xã	1	
3	Công chức Địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường (đối với thị trấn) hoặc Công chức địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi trường (đối với xã);	1	
4	Công chức Tài chính - kế toán cấp xã	1	
5	Công chức Tư pháp - hộ tịch cấp xã	1	
6	Công chức Văn hóa - xã hội cấp xã	1	
	Tổng cộng	17	